

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **89/2020/DS-ST**.

Ngày: 23-9-2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Diễm.

2. Ông Nguyễn Hoàng Hiệp.

- Thư ký phiên tòa:

Ông Phan Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **244/2020/TLST-DS** ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 305, đường Võ Thị Sáu, tổ 13, Khu phố 3, phường L, thành phố B, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1982 – Có mặt.

Địa chỉ: 42, Huỳnh Ngọc Hay, phường P, thành phố B, tỉnh T. (Theo văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 12 năm 2019).

Bị đơn: Công ty TNHH Bệnh viện P.

Địa chỉ: 148A, đường Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Hồng L – Chủ tịch Hội đồng quản trị - Vắng mặt

Địa chỉ: 79B/3, Khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1978 – Vắng mặt.

Địa chỉ: 305, đường Võ Thị Sáu, tổ 13, Khu phố 3, phường L, thành phố B, tỉnh T.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 6, Khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

**** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn Đ; Bản tự khai, lời trình bày tại biên bản hòa giải cũng như lời trình bày tại phiên tòa của ông Nguyễn Thái H trình bày:***

Do chỗ quen biết nhau vào ngày 20/5/2015, ông Phạm Văn Đ có cho Công ty TNHH Bệnh viện P (gọi tắt Công ty P) vay số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Hai bên có làm hợp đồng vay tiền tại Bệnh viện P, theo hợp đồng hai bên thỏa thuận mức lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay để kinh doanh, trả lương cho nhân viên bệnh viện. Để thực hiện hợp đồng, cùng ngày 20/5/2015, ông Đ đã chuyển số tiền cho Công ty P bằng hình thức chuyển khoản tại Ngân hàng theo số tài khoản của Công ty P với số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng).

Từ chỗ có quan hệ quen biết nên ông Đ cũng tạo điều kiện cho Công ty P có thời gian trả nợ cho nên mãi đến cuối năm 2018, sau khi hỏi thúc thì phía bị đơn mới chịu trả số tiền lãi là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Từ đó đến nay phía bị đơn cũng không trả thêm tiền gốc cũng như tiền lãi cho ông Đ. Về nguồn gốc số tiền cho vay là của vợ chồng ông Đ và bà Nguyễn Thị Thanh N.

Do vậy, ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty P phải trả cho ông Đ số tiền gốc còn nợ là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) và tiền lãi được tính như sau:

- Nợ lãi trong hạn: Từ ngày 20/5/2015 đến ngày 23/9/2020 là $1.000.000.000đ \times 1.125 \times 64 \text{ tháng} = 720.000.000đ$;

- Nợ lãi quá hạn: Từ ngày 21/5/2016 tạm tính đến ngày 23/9/2020: $1.000.000.000đ \times 0,75\% \times 52 \text{ tháng} = 390.000.000đ$;

Cần trừ số tiền lãi bị đơn đã thanh toán 200.000.000đ. Tổng số tiền gốc và lãi yêu cầu thanh toán là 1.520.000.000đ.

Tại phiên tòa đối với phần lãi suất quá hạn ông xin rút không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết với số tiền 390.000.000đ.

**** Theo bản tự khai của bà Bà Trần Thị Hồng L là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH Bệnh viện P trình bày:***

Theo hợp đồng vay tiền vào ngày 20/5/2015, thể hiện ông Phạm Văn Đ có cho Công ty TNHH Bệnh viện P vay số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Việc vay mượn này bà không hề biết vì thời điểm vay bà không phải người đại diện theo pháp luật của Công ty mà người nào thì bà không rõ. Tuy nhiên mọi hoạt động của Công ty đều giao cho ông Nguyễn Thế T đảm nhận, quản lý điều hành. Do vậy, ông Đ khởi kiện buộc Công ty TNHH Bệnh viện P trả số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng cũng như tiền lãi thì bà không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

**** Tại bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày:***

Bà là vợ của ông Phạm Văn Đ là nguyên đơn trong vụ án trên. Bà xác định số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) cho bị đơn Công ty TNHH P là tài sản chung của vợ chồng. Trong đó bà cũng là người chuyển số tiền 500.000.000đ vào tài khoản của bị đơn. Ý kiến của ông Đ cũng là ý kiến của bà, bà đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ.

**** Theo bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:***

Vào thời điểm 2015, bà đang làm việc tại Bệnh viện P. Bà đại diện cho Bệnh viện ký hợp đồng vay của ông Phạm Văn Đ số tiền 1.000.000.000đ, toàn bộ số tiền này ông Đ chuyển trực tiếp vào tài khoản của Công ty TNHH P chứ không chuyển vào cá nhân của bà. Bà xác định số tiền trên bệnh viện dùng để hoạt động cho Công ty và chi trả lương cho cán bộ, nhân viên của bệnh viện.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn Công ty TNHH Bệnh viện P có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Phạm Văn Đ số tiền gốc và tiền lãi theo quy định pháp luật tính đến ngày 23/9/2020. Tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn rút yêu cầu đối với yêu cầu tiền lãi quá hạn với số tiền 390.000.000đ nên đề nghị đình chỉ đối với yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Hồng L, Nguyễn Thị Thanh N và bà Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải cũng như xét xử nên căn cứ theo quy định tại các Điều 207, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án xét xử vắng mặt bà L, bà N và bà T.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Công ty TNHH Bệnh viện P có trụ sở tại 148A, Nguyễn Ái Quốc, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[3] Về quan hệ pháp luật: Ông Phạm Văn Đ khởi kiện Công ty TNHH Bệnh viện P yêu cầu thanh toán số tiền đã vay nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Về áp dụng pháp luật: Giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện năm 2015 vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Hồng L là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH Bệnh viện P (gọi tắt Công ty P) không có ý kiến gì về Hợp đồng vay tài sản ký ngày 20/5/2015, tại Văn phòng Công ty P giữa ông Phạm Văn Đ với Công ty P với số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay từ ngày 20/5/2015 đến ngày 20/5/2016 và đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, việc vay mượn giữa ông Đ và Công ty P là có thật thể hiện ở việc ông Đ cũng đã chuyển số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) vào tài khoản của Công ty P vào ngày 20/5/2015 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi

nhánh Bà Rịa Vũng Tàu. Mặc khác, bà Nguyễn Thị T là người ký và đóng mộc dấu của Công ty trong hợp đồng vay tiền đại diện cho Công ty P vay số tiền trên của ông Đ cũng thừa nhận Công ty có nhận số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) để chi trả lương cho nhân viên của bệnh viện.

Do vậy, ông Đ khởi kiện yêu cầu công ty P trả số tiền gốc còn nợ là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) và tiền lãi suất trong hạn theo quy định pháp luật: Từ ngày 20/5/2015 đến ngày 23/9/2020 là $1.000.000.000đ \times 1.125\% \times 64 \text{ tháng} = 720.000.000đ$ là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với số tiền lãi 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) mà nguyên đơn thừa nhận đã nhận của Công ty P vào cuối năm 2018. Mặc dù trong hồ sơ không thể hiện việc giao nhận số tiền trên nhưng việc thừa nhận của nguyên đơn có lợi cho bị đơn do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận và căn trừ số tiền lãi đã nhận ($720.000.000đ - 200.000.000đ = 520.000.000đ$ (Năm trăm hai mươi triệu)).

Đình chỉ đối với yêu cầu tiền lãi quá hạn (Tính từ ngày 21/5/2016 tạm tính đến ngày 23/9/2020): $1.000.000.000đ \times 0,75\% \times 52 \text{ tháng} = 390.000.000đ$) do nguyên đơn rút yêu cầu.

[6] Về án phí DSST: Bị đơn Công ty TNHH Bệnh viện P phải chịu số tiền 57.600.000đồng (Năm mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng). Hoàn trả cho nguyên đơn ông Phạm Văn Đ số tiền 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0008532 ngày 25/02/2020 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ các Điều 26, 203, 220, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 471, 473, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn Đ.

Buộc Công ty TNHH Bệnh viện P phải trả cho ông Phạm Văn Đ số tiền **1.520.000.000đ** (Một tỷ năm trăm hai mươi triệu đồng). Trong đó tiền gốc là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), tiền lãi 520.000.000đ (Năm trăm hai mươi triệu đồng).

Đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu về tiền lãi quá hạn số tiền 390.000.000đ (Ba trăm chín mươi triệu đồng).

Án phí DSST: Bị đơn Công ty TNHH Bệnh viện P phải chịu số tiền 57.600.000đồng (Năm mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng). Hoàn trả cho nguyên đơn ông Phạm Văn Đ số tiền 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0008532 ngày 25/02/2020 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người

được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Ông Phạm Văn Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Công ty TNHH Bệnh viện P, bà Nguyễn Thị Thanh N, bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Diệp